

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - KINH DOANH NHÀ

18 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. HCM

Mã CK: ITC

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH**ĐẾN**

Số: 2397

Giờ: Ngày 1 tháng 1 năm 2010

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT QUÝ IV/2009**A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2009	01/01/2009
I	Tài sản ngắn hạn	100	2.414.986.474.239	2.894.002.192.932
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	23.193.280.723	29.581.312.265
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	773.166.796.834	1.202.851.687.402
4	Hàng tồn kho	140	1.615.583.740.167	1.651.442.478.367
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	3.042.656.515	10.126.714.898
II	Tài sản dài hạn	200	453.213.824.463	267.636.359.987
1	Các khoản phải thu dài hạn	210	169.641.216.000	62.000.000
2	Tài sản cố định	220	62.988.254.574	27.576.060.082
	- Tài sản cố định hữu hình	221	56.561.784.972	27.502.144.926
	- Tài sản cố định vô hình	227	34.258.333	-
	- Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6.392.211.269	73.915.156
3	Bất động sản đầu tư	240	17.283.927.082	7.523.858.406
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	202.766.500.000	231.776.744.000
5	Tài sản dài hạn khác	260	533.926.807	697.697.499
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	2.868.200.298.702	3.161.638.552.919
IV	Nợ phải trả	300	1.542.224.323.250	1.933.689.270.053
1	Nợ ngắn hạn	310	1.342.896.104.931	1.724.881.972.141
2	Nợ dài hạn	330	199.328.218.319	208.807.297.912
V	Vốn chủ sở hữu	400	1.325.975.975.452	1.227.949.282.866
1	Vốn chủ sở hữu	410	1.328.100.366.558	1.228.196.211.819
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	230.288.960.000	230.288.960.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	412	938.673.250.000	938.673.250.000
	- Cổ phiếu quỹ	414	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
	- Quỹ đầu tư phát triển	417	30.640.486.547	30.640.486.547
	- Quỹ dự phòng tài chính	418	10.942.573.773	10.942.573.772
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	117.555.096.238	17.650.941.500
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	(2.124.391.106)	(246.928.953)
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	431	(2.124.391.106)	(246.928.953)
	- Nguồn kinh phí	432		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	2.868.200.298.702	3.161.638.552.919

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Quý IV/2009	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng	1	240.869.534.459	847.032.807.298
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng	10	240.869.534.459	847.032.807.298
4	Giá vốn hàng bán	11	207.653.250.240	575.870.983.158
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng	20	33.216.284.219	271.161.824.140
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	11.093.980.105	18.126.377.705
7	Chi phí tài chính	22	19.509.196.657	76.965.352.022
8	Chi phí bán hàng	24	-531.593.541	10.975.910.792
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17.330.599.606	59.553.530.273
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	8.002.061.602	141.793.408.758
11	Thu nhập khác	31	7.387.126.514	9.826.202.265
12	Chi phí khác	32	1.635.893	2.252.403.507
13	Lợi nhuận khác	40	7.385.490.621	7.573.798.758
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	15.387.552.223	149.367.207.516
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.519.575.516	28.833.994.475
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	9.867.976.707	120.533.213.041
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	429	5.234

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Phạm Văn Khanh

Đoàn Hữu Chí

Trương Minh Thuận